

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **77/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 27-9-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Đó

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Lam.

Ông Nguyễn Văn Lộc.

Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T ghi biên bản phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Thanh, kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 296/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thúy N**, sinh năm: 1995

Địa chỉ: 129/2, đường T, tổ 5, khu phố 2, T, Quận 9, tp Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm: 1994

Địa chỉ: 104/3E, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Phiên dịch ngôn ngữ kí hiệu cho chị Trần Thị Thúy N có chị **Nguyễn Phan Hồng Hạnh**; sinh năm 1986

Địa chỉ: số 16/6 khu phố 3, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Chị N và anh H; chị Hạnh vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2022, biên bản lấy lời khai ngày 15/4/2022; bản tự khai ngày 25/5/2022 và các khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Thúy N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H quen biết, tìm hiểu yêu thương khoảng 09 năm tự nguyện kết hôn và được UBND phường T, Quận 9, thành phố

Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/3/2017. Đây là hôn nhân lần thứ nhất của chị N.

Cuộc sống chung vợ chồng sau khi kết hôn không hạnh phúc thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh H không lo lắng, quan tâm chăm sóc cho chị N từ khi mang thai cho đến khi sinh con anh không chia sẻ công việc gia đình. Mặt khác vợ chồng mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, anh H thường tính toán chi li các khoản chi tiêu trong gia đình, mỗi tháng hai bên đều góp tiền lương để chi tiêu chung, nhưng các khoản chi tiêu anh H đều tự chi không cho chị N không biết, anh H còn ghen tuông vợ có cho rằng chị N sống không chung thủy. Mặt khác giữa chị N và gia đình chồng cũng có mâu thuẫn, vì anh H luôn nghe lời ba mẹ và chị gái nhiều lần nói xấu chị N. Trong thời gian chị N sinh con anh H còn thường đi uống rượu say xỉn bị té xe thì gia đình anh H lại đổ lỗi cho chị N không biết chăm sóc chồng nói nhiều lời xúc phạm, xỉ nhục, không tôn trọng chị N, từ những nguyên nhân trên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Tháng 2 năm 2021 vợ chồng sống ly thân, chị N và con đã về nhà cha mẹ để sống tại địa chỉ số 129/2, đường T, tổ 5, khu phố 2, T, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh cho đến ngày hôm nay. Trong thời gian sống ly thân anh H cũng không liên lạc thăm hỏi chị N và con.

Nay chị N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ không có, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Bảo M, sinh ngày: 12/8/2020, con chung đang sống cùng chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Hiện nay nghề nghiệp chị N làm công nhân thu nhập trung bình mỗi tháng là 7.000.000đ/tháng (bảy triệu đồng). Do sống cùng với bố mẹ nên cũng được bố mẹ phụ giúp thêm trong việc nuôi dưỡng con chung nên chị N thay đổi ý kiến không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng)

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ riêng: Không có

Tại bản tự khai ngày 20/5/2022; ngày 14/7/2022, bị đơn anh Nguyễn Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị N quen biết cưới nhau vào năm 2017, vợ chồng chung sống với nhau mọi việc diễn ra bình thường.

Ngày 12/10/2019 khi đang ăn sinh nhật cùng với chị N sau đó chị N bỏ ra ngoài và đi luôn, anh H có đi tìm nhưng không gặp, anh có nhắn tin cho chị N nhưng không thấy chị phản hồi, chị N bỏ đi suốt đêm cho tới sáng, khoảng 05 tuần sau thì chị N thông báo cho anh H biết chị đã có thai.

Trong suốt quá trình mang thai, sinh nở và nuôi con anh H luôn chăm sóc và chu cấp tiền đầy đủ cho chị N, vợ chồng vẫn chung sống với nhau vui vẻ cho đến ngày 12/02/2021 (nhằm ngày mừng 01 tết) thì bà mẹ của chị N có đến nhà anh H để rước chị N và con về nhà ăn tết, kể từ thời gian đó chị N không trở về nhà bên chồng nữa và có báo cho anh H biết không muốn sống cùng với anh H nữa.

Anh H nhiều lần đến tìm chị N và thăm con nhưng gia đình chị N ngăm cản không cho anh gặp mặt.

Tại Tòa án chị N khởi kiện xin ly hôn anh H không đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trần Bảo M; sinh ngày 12/8/2020, hiện nay chị N đang nuôi dưỡng, tuy anh H không được gặp con nhưng hàng tháng anh vẫn gửi tiền để nuôi cháu.

Qua mạng xã hội Facebook, anh H thấy chị N đăng nhiều hình ảnh đi chơi, ăn nhậu, anh H nghi ngờ tiền anh chu cấp hàng tháng để chăm sóc con chị N có thể tiêu xài vào việc cá nhân, cho nên việc chị N yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) anh không đồng ý.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xác định tư các đương sự đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh H đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXX-HNGĐ vào ngày 15/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2022, nhưng vẫn vắng mặt không lý do, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho Ngọc được ly hôn với anh H.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trần Bảo M, sinh ngày: 12/8/2020 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị N theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”; bị đơn anh H đang cư trú tại 104/3E, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Nguyên đơn chị Trần Thị Thúy N có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N.

Bị đơn anh H đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXX-HNGĐ vào ngày 15/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2022, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thúy N và anh Nguyễn Ngọc H xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/03/2017, đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp; Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn chị N xin ly hôn anh H.

[2.2]. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo lời khai của chị N qua bản tự khai và biên bản lấy lời khai: Hôn nhân của chị N và anh H không còn hạnh phúc do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng chung sống thiếu sự tin tưởng, tôn trọng nhau, thường xảy ra mâu thuẫn, bất hòa về tình cảm và kinh tế đời sống chung không hạnh phúc, tháng 02 năm 2021 chị N và anh H sống ly thân đến ngày hôm nay.

Bị đơn anh H không đồng ý ly hôn. Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh không hợp tác, không có thiện chí đến Tòa án tham gia hòa giải cùng với chị N để xây dựng lại gia đình hạnh phúc. Do đó hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của chị N và biên bản xác minh ngày 30/6/2022 tại ban ấp V, xã G, huyện T làm căn cứ xem xét giải quyết vụ án.

Theo biên bản xác minh tại ban ấp V, xã G cung cấp thông tin vợ chồng chị N và anh H kết hôn với nhau vào năm 2017, hiện anh H đang sống chung cùng bố mẹ tại số nhà 104/1E, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, trong thời gian vợ chồng sống chung, địa phương không biết được mâu thuẫn của vợ chồng. Ban ấp chỉ biết được hiện tại chị N và anh H không còn sống chung với nhau.

Trên cơ sở đó cho thấy hôn nhân giữa chị N và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N cho chị được ly hôn với anh H.

[2.3]. *Về con chung*: Chị N và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Bảo M, sinh ngày: 12/8/2020. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Hiện tại cháu M đang sống cùng chị N. Mặt khác cháu M dưới 36 tháng tuổi. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Trần Bảo M cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[2.4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị N, anh H không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Chị Trần Thị Thúy N được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho chị N.

[4]. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thúy N về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” với anh Nguyễn Ngọc H.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thúy N và anh Nguyễn Ngọc H.

2. Về nuôi con chung:

- Giao cháu Nguyễn Trần Bảo M, sinh ngày 12/8/2020 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Nguyễn Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thúy N được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Hoàn trả cho chị N tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003612 ngày 23/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai.

5. Về quyền kháng cáo: Chị N và anh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- CC.THADS huyện T;
- UBND phường T, Quận 9,
Thành phố Hồ Chí Minh
(số 13, ngày 06/3/2017);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kim Đó